

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VIỆT HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2013
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26 tháng 01 năm 1993 của UBND Thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty mẹ - Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2010 và thay đổi lần thứ hai ngày 08 tháng 05 năm 2013, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thương mại Dịch vụ.
- Sản xuất Công nghiệp thực phẩm.
- Liên doanh liên kết.

Trụ sở chính của Công ty tại số 254, phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 398.000.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi tám tỷ đồng).

Theo Quyết định số 7940/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà từ 398.000.000.000 đồng lên 803.350.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc

Văn Phòng Công ty	254 - Minh Khai - TP Hà Nội
Xí nghiệp sản xuất nước opal	300 đường Trường Chinh - TP Nam Định
Xí nghiệp Đay	Đường Lĩnh Nam - TP Hà Nội

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên:

Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông Vương Đỗ Hải	Thành viên
Bà Trịnh Thị Hoán	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Nguyễn Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc

Ông Doãn Thịnh Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Bà Trần Phi Phượng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Kim Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC là đơn vị thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

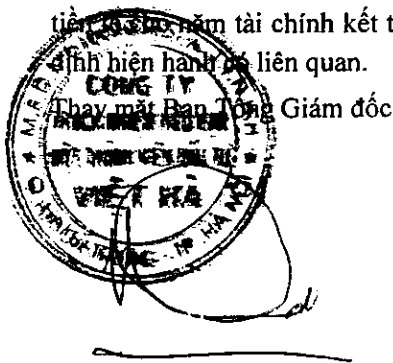
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và cam kết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong những năm tới.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền, hàng tồn kho, công nợ phải thu phải trả, tài sản cố định tại ngày 31/12/2013 trên Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Doãn Thịnh Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà, được lập ngày 25/03/2014 từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Thay vì đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng:

Số liệu tài chính của Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật Hà Nội (Xí nghiệp Đay) được sáp nhập vào Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà (nay là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà) theo quyết định số 7955/QĐ-UB ngày 06/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội. Số liệu được lấy theo Biên bản bàn giao ngày 28 tháng 09 năm 2006 giữa các Sở, Ban ngành của Thành phố Hà Nội và Công ty Sản xuất kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà. Khoản công nợ vay của Ngân hàng Ngoại thương Hà Nội theo giấy xác nhận số dư ngân hàng tại ngày 31/12/2002 là 541.518,53 USD chưa được thể hiện trên Sổ kế toán và Báo cáo tài chính của Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật Hà Nội (Xí nghiệp Đay). Khoản nợ vay trên cũng xảy ra trước khi Xí nghiệp Đay được sáp nhập vào Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà và được UBND Thành phố Hà Nội Bảo lãnh tại Văn bản số 4866/ĐN-UB ngày 10/11/1989.

Theo giải trình của Ban Tổng Giám đốc Công ty, tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Công ty con - Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội đã được bàn giao về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Ban Tổng Giám đốc Công ty đang phối hợp với các cơ quan chức năng của Thành phố để làm các thủ tục liên quan đến việc ghi giảm khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội.



Lại Văn Hùng
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0907-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Phạm Tuấn Vũ
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2030-2013-146-1

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUỲNH MAI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 27 -11- 2015

3744 02 - 12



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		442.286.305.340	94.689.443.487
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	19.118.751.783	24.169.500.898
1. Tiền	111		14.118.751.783	5.169.500.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	19.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		412.800.277.471	54.526.166.453
1. Phải thu của khách hàng	131		5.323.871.870	5.369.186.125
2. Trả trước cho người bán	132		10.656.779.521	11.755.328.127
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.02	397.233.146.010	37.504.387.771
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(413.519.930)	(102.735.570)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	3.281.763.501	8.103.051.993
1. Hàng tồn kho	141		3.281.763.501	8.103.051.993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.085.512.585	7.890.724.143
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.470.952.156	1.856.177.870
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	73.880.011	1.541.964.529
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	3.540.680.418	4.492.581.744
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		253.175.435.776	378.724.725.331
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		43.613.898.364	46.814.517.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	37.785.130.085	41.113.973.286
- Nguyên giá	222		67.136.221.296	72.304.897.148
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(29.351.091.211)	(31.190.923.862)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	123.230.344	246.460.672
- Nguyên giá	228		369.691.000	369.691.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(246.460.656)	(123.230.328)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	5.705.537.935	5.454.083.390
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	194.751.200.917	313.309.087.972
1. Đầu tư vào công ty con	251		45.445.900.000	45.445.900.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		185.689.600.000	258.616.687.972
3. Đầu tư dài hạn khác	258		8.896.500.000	9.246.500.000
4. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(45.280.799.083)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.810.336.495	18.601.120.011
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	14.708.336.495	18.601.120.011
2. Tài sản dài hạn khác	268		102.000.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		695.461.741.116	473.414.168.818

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		82.827.992.107	51.919.354.043
I. Nợ ngắn hạn	310		72.639.918.653	41.913.680.589
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		5.002.251.240	6.693.775.043
3. Người mua trả tiền trước	313		34.821.140	181.695.934
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	23.820.650.315	1.305.488.483
5. Phải trả người lao động	315		5.454.668.580	700.000
6. Chi phí phải trả	316	V.12	1.561.923.170	1.640.153.045
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	30.524.034.608	31.589.628.835
8. Quỹ dự khen thưởng, phúc lợi	323		6.241.569.600	502.239.249
II. Nợ dài hạn	330		10.188.073.454	10.005.673.454
1. Phải trả dài hạn khác	333		9.803.458.000	9.535.558.000
2. Vay và nợ dài hạn	334			
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		384.615.454	470.115.454
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		612.633.749.009	421.494.814.775
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	612.633.749.009	421.494.814.775
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		612.633.749.009	352.803.064.017
2. Quỹ đầu tư phát triển	417			19.008.582.496
3. Quỹ dự phòng tài chính	418			19.052.171.015
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420			28.845.648.448
5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			1.785.348.799
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		695.461.741.116	473.414.168.818

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại	007		6.775,73	6.789,82
				3,27



Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Doãn Thịnh Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Đặng Trần Kiên

Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình

Người lập biểu

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	240.857.110.235	231.313.238.446
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.16	304.250.014	9.690.390.038
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.17	240.552.860.221	221.622.848.408
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	184.239.218.854	163.876.074.256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.313.641.367	57.746.774.152
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	429.171.281.162	34.133.266.977
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	138.076.264.378	1.596.095.001
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		95.004.687.745	66.501.800.532
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		30.668.523.808	23.262.850.815
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		221.735.446.598	519.294.781
11. Thu nhập khác	31	VI.21	1.059.505.579	3.460.058.924
12. Chi phí khác	32	VI.22	676.030.882	2.722.550.537
13. Lợi nhuận khác	40		383.474.697	737.508.387
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		222.118.921.295	1.256.803.168
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.23	23.973.735.726	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		198.145.185.569	1.256.803.168



Doãn Thịnh Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Đặng Trần Kiên

Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình

Người lập biểu

Mẫu số 02B - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

II. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp cuối kỳ
				Số phải nộp	Số đã nộp	
A	B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
I	Thuế	10	(236.476.046)	28.158.116.332	4.174.869.982	23.746.770.304
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	(18.318.465)		55.561.546	(73.880.011)
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	1.329.981.397	1.329.981.397	-
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-			-
4	Thuế xuất nhập khẩu	14	-	633.977.762	633.977.762	-
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	(1.523.646.064)	23.973.735.726		22.450.089.662
6	Thuế tài nguyên	16				-
7	Thuế nhà đất	17	24.240.132	41.576.691	37.754.103	28.062.720
8	Tiền thuê đất	18	1.266.242.700	1.346.444.300	1.301.993.400	1.310.693.600
9	Các loại thuế khác trong đó:	19	15.005.651	832.400.456	815.601.774	31.804.333
	- Thuế môn bài			3.000.000	3.000.000	-
	- Thuế thu nhập cá nhân		15.005.651	829.400.456	812.601.774	31.804.333
II	Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
1	Các khoản phụ thu	31				
2	Các khoản phí, lệ phí	32				
3	Các khoản khác	33	-	-	-	-
	- Thu điều tiết					
	- Các khoản nộp phạt					-
	- Nộp khác					
	Tổng cộng	40	(236.476.046)	28.158.116.332	4.174.869.982	23.746.770.304



Doãn Thịnh Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Đặng Trần Kiên
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	260.470.731.787	250.027.325.318
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(291.315.448.660)	(237.684.707.278)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.321.150.720)	(19.647.668.474)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.569.627.754	10.231.334.617
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(22.981.668.943)	(41.932.707.698)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(66.577.908.782)	(39.006.423.515)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.243.706.257)	(929.155.534)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	800.000.000	306.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.000.000.000	14.928.758.019
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.500.000.000)	(20.150.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.250.000.000	23.192.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.185.199.383	27.454.967.443
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	61.491.493.126	29.802.933.565
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.086.415.656)	(9.203.489.950)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.169.500.898	33.372.990.848
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	35.666.541	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.118.751.783	24.169.500.898



Đoãn Thịnh Đạt
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Đặng Trần Kiên
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26 tháng 01 năm 1993 của UBND Thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty mẹ - Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 11 năm 2010 và thay đổi lần thứ hai ngày 08 tháng 05 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại số 254, phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 398.000.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi tám tỷ đồng).

Theo Quyết định số 7940/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà từ 398.000.000.000 đồng lên 803.350.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Thương mại Dịch vụ.
- Sản xuất Công nghiệp thực phẩm.
- Liên doanh liên kết.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý buôn lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong cửa hàng chuyên doanh; Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh thiết bị trường học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn dược phẩm; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng bệnh viện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán, và chi phí đầu tư xây dựng công trình);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;

- Sản xuất giấy nhẵn, bia nhẵn, bao bì từ giấy và bia;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ. Chi tiết: Bán lẻ đồ uống lưu động tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi có liên quan. Ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

1.1. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2012.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán doanh thu hoặc chi phí tài chính.

1.2. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo được ghi nhận là khoản tương đương tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các TSCĐ được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị tăng nguyên giá TSCĐ là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá TSCĐ sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc theo bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực giao của UBND Thành phố Hà Nội.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

10.1. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	660.666.406	1.645.522.101
Tiền gửi ngân hàng	13.458.085.377	3.523.978.797
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	19.000.000.000
Cộng	19.118.751.783	24.169.500.898

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng

2 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia:	4.770.754.398	23.859.495.524
- Phải thu tiền cổ tức Công ty CP Bia và NGK Việt Hà	-	16.800.000.000
- Phải thu tiền cổ tức Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	4.092.880.000	3.650.975.000
- Phải thu tiền cổ tức Công ty CP Giấy Ngọc Hà	677.874.398	887.740.764
- Phải thu tiền lợi nhuận Công ty TNHH Crow Hà Nội	-	2.520.779.760
Phải thu khác:	392.462.391.612	13.644.892.247
- Phải thu Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	-	631.168.409
chi phí vận chuyển, quảng cáo, chi phí khác		
- Phải thu Xi nghiệp bao dầy Đại Thắng	422.477.000	516.527.000
- Phải thu Công ty CP Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam	377.063.862	-
- Phải thu Công ty TNHH Thương mại vật tư khoa học kỹ thuật	2.980.722.000	2.980.722.000
- Phải thu Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật Hồng Sơn	518.181.818	518.181.818
- Phải thu Công ty TNHH VNT	3.498.000.000	3.498.000.000
- Phải thu DNTN XN Cơ khí Long Quân	1.702.500.000	1.702.500.000
- Phải thu Công ty TNHH MTV Bia Huế tiền chuyển nhượng vốn góp tại Công ty liên doanh I.B.D (*)	42.250.000.000	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Bia Huế tiền chuyển nhượng vốn góp tại Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á (*)	338.000.000.000	-
- Phải thu khác	2.713.446.932	3.797.793.020
Cộng	397.233.146.010	37.504.387.771

(*) Phải thu Công ty TNHH MTV Bia Huế theo các Hợp đồng chuyển nhượng ngày 23/12/2013 giữa bên chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà và bên nhận chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Bia Huế.

3 . Hàng tồn kho	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.648.161.082	6.279.727.386
Công cụ, dụng cụ	549.515.534	348.768.325
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.087.163	88.314.942
Thành phẩm	143.441.550	137.567.973
Hàng hóa	616.927.152	1.050.346.361
Hàng gửi đi bán	322.631.020	198.327.006
Cộng	3.281.763.501	8.103.051.993
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	3.281.763.501	8.103.051.993

4 . Thuế và các khoản phải thu nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu GTGT hàng bán nộp thừa	73.880.011	18.318.465
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	1.523.646.064
Cộng	73.880.011	1.541.964.529
5 . Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	3.540.680.418	4.492.581.744
Cộng	3.540.680.418	4.492.581.744

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết tại phụ lục số 01)

7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm		369.691.000		369.691.000
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	369.691.000	-	369.691.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		123.230.328		123.230.328
Số tăng trong năm	-	123.230.328	-	123.230.328
- Khấu hao trong kỳ		123.230.328		123.230.328
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	246.460.656	-	246.460.656
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	246.460.672	-	246.460.672
Tại ngày cuối năm	-	123.230.344	-	123.230.344

8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang:	5.705.537.935	5.454.083.390
- Dự án xây dựng tại 79 Ngọc Khánh	875.556.454	875.556.454
- Dự án xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Yên Phong	4.260.799.663	4.260.799.663
- Dự án vườn sinh thái Việt Hà (Lương Sơn - Hoà Bình)	569.181.818	317.727.273
Cộng	5.705.537.935	5.454.083.390

9 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
9.1. Đầu tư vào công ty con		45.445.900.000		45.445.900.000
- Công ty CP Bánh mìt kẹo Hà Nội	892.500	8.925.000.000	892.500	8.925.000.000
- Công ty CP Tràng An	1.149.100	11.491.000.000	1.149.100	11.491.000.000
- Công ty CP Đầu tư và XD Việt Hà	1.860.390	18.603.900.000	1.860.390	18.603.900.000
- Công ty CP Dược phẩm và Thiết bị Y tế Hà Nội	642.600	6.426.000.000	642.600	6.426.000.000

9.2. Đầu tư vào công ty liên doanh	37.264.000.000	128.594.687.972
- Công ty liên doanh Nhà máy bia Đông Nam Á	-	85.081.887.972
- Công ty liên doanh I.B.D	-	6.248.800.000
- Công ty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	37.264.000.000	37.264.000.000

(*) Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- Giảm vốn tại Công ty liên doanh I.B.D theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 23/12/2013 giữa Bên chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà và Bên nhận chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Bia Huế. Giá trị chuyển nhượng theo Hợp đồng là 42.250.000.000 đồng (tương đương 2.000.000 USD).

- Giảm vốn tại Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 23/12/2013 giữa Bên chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà và Bên nhận chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Bia Huế. Giá trị chuyển nhượng theo Hợp đồng là 338.000.000.000 đồng (tương đương 16.000.000 USD).

- Ngày 22/11/2013, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ra Công văn số 8913/UBND-KT v/v chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà tại Công ty liên doanh Nhà máy bia Đông Nam Á và Công ty liên doanh I.B.D. Nội dung trong Công văn nêu rõ:

a> Việc chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà trong Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á:

1. Chấp thuận đề nghị chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà tại Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á số tiền 7.894.400 USD, tương ứng 85.081.887.972 đồng bằng giá trị quyền sử dụng 11.796 m² đất tại địa điểm 167 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội, tiền mặt và máy móc thiết bị.

2. Chênh lệch giữa số vốn ghi trên Giấy phép đầu tư 528/GPĐC3 ngày 31/3/2004 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp với số vốn Công ty Việt Hà thực góp tại liên doanh liên quan đến khu đất tại xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội yêu cầu Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà có trách nhiệm phối hợp với Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á liên hệ với các cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Phê duyệt giá trị thực tế vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà trong Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á là 147.597.861.145 đồng. Đây là mức giá tối thiểu để Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà đàm phán với đối tác nước ngoài trong liên doanh khi thực hiện chuyển nhượng.

b> Việc chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà trong Công ty liên doanh I.B.D:

1. Cho phép Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà chuyển nhượng vốn hiện góp tại Công ty liên doanh I.B.D số tiền 400.000 USD, tương đương 6.248.800.000 đồng.

2. Phê duyệt giá trị thực tế vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà trong Công ty liên doanh I.B.D là 30.990.018.881 đồng. Đây là mức giá tối thiểu để Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà đàm phán với đối tác nước ngoài trong liên doanh khi thực hiện chuyển nhượng.

- Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà đang cùng với các Công ty liên doanh I.B.D và Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á làm việc với cơ quan có thẩm quyền để thay đổi đăng ký kinh doanh theo yêu cầu nêu trong các Hợp đồng chuyển nhượng.

9.3. Đầu tư vào công ty liên kết	148.425.600.000	130.022.000.000
- Công ty CP Giấy Ngọc Hà	557.200	5.572.000.000
- Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	2.516.360	25.163.600.000
- Công ty CP Bia và NGK Việt Hà	8.000.000	80.000.000.000
- Công ty CP Đồng Tháp	354.000	3.540.000.000
- Công ty CP Rượu Quốc Tế	3.415.000	34.150.000.000

(**) Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- Công ty ghi nhận tăng giá trị vốn góp tại Công ty CP Dược phẩm Hà Nội khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu với giá trị là 16.803.600.000 đồng tương ứng 1.680.360 cổ phiếu theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013.

- Góp vốn vào Công ty CP Rượu Quốc tế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần rượu Quốc tế ngày 10/04/2012.

9.4. Đầu tư dài hạn khác		8.896.500.000		9.246.500.000
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	411.650	4.116.500.000	411.650	4.116.500.000
- Quỹ thành viên Vietcombank		2.750.000.000		5.000.000.000
- Công ty CP DL Khai khoáng Bắc Kạn	3.000	30.000.000	3.000	30.000.000
- Công ty CP Đô thị sinh thái Vân Nội	200.000	2.000.000.000	10.000	100.000.000
Cộng		240.032.000.000		313.309.087.972

(***) Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- Giảm vốn tại Quỹ thành viên Vietcombank theo thông báo số 1613/VCBF ngày 08/04/2013 của Công ty Liên doanh Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank.

- Góp vốn vào Công ty CP Đô thị sinh thái Vân Nội theo thông báo TB-VANNOI tháng 3/2012 v/v góp vốn thành lập Công ty và thông báo số 05/TB-VANNOI ngày 02/12/2013.

9.5. Dự phòng giảm giá đầu tư các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích lập dự phòng Công ty CP Bia và NGK Việt Hà	14.208.829.603	-
- Trích lập dự phòng Công ty CP Đồng Tháp	3.540.000.000	-
- Trích lập dự phòng Công ty CP Rượu Quốc Tế	27.531.969.480	-
Cộng	45.280.799.083	-

10 . Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.555.197.425	12.823.130.105
Chi phí đào tạo, quảng cáo, cải tạo, sửa chữa	3.010.785.568	4.172.620.474
Chi phí lắp đặt nhà khung	-	40.025.635
Chi phí trả trước dài hạn khác	142.353.502	1.565.343.797
Cộng	14.708.336.495	18.601.120.011

11 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.450.089.662	-
Thuế thu nhập cá nhân	31.804.333	15.005.651
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	1.338.756.320	1.290.482.832
Cộng	23.820.650.315	1.305.488.483

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả khác	1.561.923.170	1.640.153.045
Cộng	1.561.923.170	1.640.153.045

13 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	41.782.293	140.318.632
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	140.142.168	340.774.414
Bảo hiểm thất nghiệp	76.273.363	159.762.321
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	30.265.836.784	30.948.773.468
- Phải trả Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	-	301.903.138
- Phải trả Công ty CP Sông Đà Thăng Long	6.000.000.000	6.000.000.000
- Phải trả Công ty CP Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam	23.568.456.335	23.568.456.335
- Phải trả Xi nghiệp bao dầy Đại Thắng	-	611.177.000
- Phải trả Công ty CP Rượu Quốc tế	461.050.649	-
- Phải trả khác	236.329.800	467.236.995
Cộng	30.524.034.608	31.589.628.835

14 . Vốn chủ sở hữu

14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục số 02)

14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	612.633.749.009	352.803.064.017
Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cộng	612.633.749.009	352.803.064.017

14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu - A		
+ Vốn góp đầu kỳ	352.803.064.017	352.803.064.017
+ Vốn góp tăng trong kỳ	259.830.684.992	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	612.633.749.009	352.803.064.017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

15 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	240.857.110.235	231.313.238.446
Cộng	240.857.110.235	231.313.238.446
16 . Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	304.250.014	1.517.012.992
Thuế TTĐB	-	8.173.377.046
Cộng	304.250.014	9.690.390.038
17 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	240.552.860.221	221.622.848.408
Cộng	240.552.860.221	221.622.848.408

18 . Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	184.239.218.854	163.876.074.256
Cộng	184.239.218.854	163.876.074.256
19 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	503.542.864	1.775.681.550
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.396.515.393	29.581.784.417
Doanh thu từ chuyển nhượng vốn	380.250.000.000	392.000.000
Thù lao HĐQT, BKS các đơn vị thành viên	701.920.000	530.273.846
Bán quyền nhãn hiệu Nhà máy Bia	-	1.669.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	35.666.541	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	283.636.364	184.327.164
Cộng	429.171.281.162	34.133.266.977
20 . Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	248.307.723	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	45.280.799.083	-
Chi phụ cấp Ban kiểm soát, HĐQT	1.213.500.000	1.156.000.000
Chi phí thẩm định giá cổ phần	-	129.090.909
Chi phí bán quyền nhãn hiệu hàng hóa	-	189.189.000
Chuyển nhượng vốn góp tại Công ty liên doanh IBD	6.248.800.000	-
Chuyển nhượng vốn góp tại Công ty liên doanh Nhà máy bia Đông Nam Á	85.081.887.972	-
Chi phí tài chính khác	2.969.600	121.815.092
Cộng	138.076.264.378	1.596.095.001
21 . Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản	727.272.727	306.363.637
Thu nhập từ bồi thường, thu hồi đất 39 Ngõ Quỳnh	-	1.872.602.711
Thu nhập từ hỗ trợ kinh phí KCB, BHYT	204.202.309	-
Thu nhập từ công cụ dụng cụ đồ dùng bán hàng	10.288.181	1.122.394.852
Thu nhập khác	117.742.362	158.697.724
Cộng	1.059.505.579	3.460.058.924
22 . Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	254.603.535	-
Xử lý kiểm kê năm 2013	61.600.000	-
Chi phí bán vật tư, công cụ dụng cụ	-	1.260.931.675
Chi phí dự án 39 Ngõ Quỳnh	-	1.367.568.862
Chi phí mua thuốc KCB, BHYT	265.646.887	-
Chi phí khác	94.180.460	94.050.000
Cộng	676.030.882	2.722.550.537

23 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	222.118.921.295	1.256.803.168
Các khoản điều chỉnh tăng	-	3.520.000
Các khoản điều chỉnh giảm:	(47.396.515.393)	(29.581.784.417)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(47.396.515.393)	(29.581.784.417)
Tổng thu nhập chịu thuế	174.722.405.902	(28.321.461.249)
Lỗi các năm trước chuyển sang	(78.827.463.000)	
Thu nhập tính thuế	95.894.942.902	(28.321.461.249)
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN tính theo thuế suất 25%	23.973.735.726	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.973.735.726	-
24 . Chi phí sản xuất theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.033.342.591	20.879.212.201
Chi phí nhân công	26.622.784.692	24.964.073.914
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.151.770.038	4.289.278.648
Thuế, phí, lệ phí	44.576.691	34.763.009
Chi phí dự phòng	310.784.360	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.974.620.590	35.084.210.327
Chi phí khác bằng tiền	22.692.397.911	18.585.377.546
Cộng	137.830.276.873	103.836.915.645

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên có liên quan chủ yếu như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch (đ)</u>
Giao dịch mua			
Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội	Công ty con	Mua bánh kẹo	245.214.895
Công ty Cổ phần Trảng An	Công ty con	Mua bánh kẹo	40.052.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Mua vật tư, bia, dịch vụ bảo quản bia, thuê keg	209.118.426.280
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Mua rượu	2.508.421.675
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Hỗ trợ chi phí	461.050.649

Giao dịch bán			
Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội	Công ty con	Doanh thu bán rượu, bia, nước Opal	164.513.271
Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội	Công ty con	Cổ tức được chia	1.785.000.000
Công ty Cổ phần Trảng An	Công ty con	Doanh thu bán rượu, bia	117.012.932
Công ty Cổ phần Trảng An	Công ty con	Cổ tức được chia	1.723.650.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Công ty con	Doanh thu bán rượu, bia	58.635.505
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Công ty con	Cổ tức được chia	1.860.425.000
Công ty TNHH Crown Hà Nội	Công ty Liên doanh	Lợi nhuận được chia năm 2011, 2012	20.334.965.995
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Doanh thu bán nguyên liệu, nước Opal	4.576.086.223
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết	Doanh thu bán rượu, bia	25.818.200
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	677.874.398
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	17.639.600.000
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Vật tư	2.015.964

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản chưa được thanh toán với các bên có liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị khoản phải thu (+) / phải trả (-)</u>
Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội	Công ty con	Phải thu khách hàng - Tiền rượu, bia, nước Opal	28.927.960
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Công ty con	Phải thu khác - Tiền cổ tức	4.092.880.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng - Tiền hàng	11.348.700
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Phải trả người bán - Tiền hàng, cung cấp dịch vụ	(4.615.735.925)
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng - Tiền hàng	4.250.000
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Phải trả khác - Tiền hỗ trợ chi phí	(461.050.649)

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản chưa được thanh toán với các bên có liên quan như sau (tiếp):

Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Trả trước cho người bán - Tiền hàng	5.912.116.080
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng - Tiền hàng	3.300.000
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết	Phải thu khác - Tiền cổ tức	677.874.398

2 . Các thông tin khác

Lao động và tiền lương

Tổng số lao động đến 31/12/2013: 179 người

+ Trong đó: Viên chức quản lý 11 người

Số lao động bình quân trong năm: 189 người

+ Trong đó: Viên chức quản lý 11 người

Tổng quỹ tiền lương thực hiện: 23.561.619.300 đồng

+ Trong đó: Viên chức quản lý 3.949.015.900 đồng

Tổng các khoản thu nhập khác của CBCNV: 4.275.246.624 đồng

+ Trong đó: Các khoản thu nhập khác của viên

chức quản lý 1.211.109.440 đồng

3 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC.



Doãn Thịnh Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Đặng Trần Kiên

Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình

Người lập biểu

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư đầu kỳ	23.077.489.705	37.789.819.522	6.364.381.024	5.073.206.897		72.304.897.148	
Số tăng trong năm	239.558.182	1.663.143.530	-	89.550.000		1.992.251.712	
- Mua trong năm				89.550.000		89.550.000	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	239.558.182	1.663.143.530				1.902.701.712	
Số giảm trong năm	3.537.377.917	606.076.678	1.698.758.866	1.318.714.103		7.160.927.564	
- Thanh lý, nhượng bán			1.698.758.866			1.698.758.866	
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	391.508.397	606.076.678		1.318.714.103		2.316.299.178	
- Giảm khác	3.145.869.520					3.145.869.520	
Số dư cuối năm	19.779.669.970	38.846.886.374	4.665.622.158	3.844.042.794		67.136.221.296	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	6.746.890.836	17.532.318.345	3.906.085.547	3.005.629.134		31.190.923.862	
Số tăng trong năm	831.908.354	2.077.212.160	654.573.117	469.219.679		4.032.913.310	
- Khấu hao trong năm	831.908.354	2.077.212.160	654.573.117	469.219.679		4.032.913.310	
Số giảm trong năm	2.801.819.753	533.970.203	1.444.155.331	1.092.800.674		5.872.745.961	
- Thanh lý, nhượng bán			1.444.155.331			1.444.155.331	
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	281.329.719	533.970.203		1.092.800.674		1.908.100.596	
- Giảm khác	2.520.490.034					2.520.490.034	
Số dư cuối năm	4.776.979.437	19.075.560.302	3.116.503.333	2.382.048.139		29.351.091.211	
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	16.330.598.869	20.257.501.177	2.458.295.477	2.067.577.663		41.113.973.286	
Tại ngày cuối năm	15.002.690.533	19.771.326.072	1.549.118.825	1.461.994.655		37.785.130.085	

Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	352.803.064.017	19.008.582.496	18.252.705.911	1.785.348.799	29.209.628.352	421.059.329.575
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	799.465.104	-	1.256.803.168	1.256.803.168
Trích lập các quỹ từ LN sau thuế	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	2.776.275.000	2.776.275.000
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ từ LN sau thuế	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(4.397.058.072)	(4.397.058.072)
Số dư cuối năm trước	352.803.064.017	19.008.582.496	19.052.171.015	1.785.348.799	28.845.648.448	421.494.814.775
Tăng vốn trong năm (*)	259.830.684.992	-	-	-	-	259.830.684.992
Trích lập các quỹ từ LN sau thuế	-	59.443.555.671	403.307.817	-	-	59.846.863.488
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	198.145.185.569	198.145.185.569
Tăng khác	-	-	-	-	250.000.000	250.000.000
Giảm do kết chuyển nguồn	-	(78.452.138.167)	(19.455.478.832)	(1.785.348.799)	-	(99.692.965.798)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	(227.240.834.017)	(227.240.834.017)
Số dư cuối năm nay	612.633.749.009	-	-	-	-	612.633.749.009

(*) Tăng vốn trong năm do phân phối lợi nhuận, kết chuyển nguồn và theo Quyết định số 7940/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội v/v điều chỉnh tăng vốn điều lệ.

(**) Phân phối lợi nhuận

Trích lập các quỹ

Tăng vốn chủ sở hữu

Trích quỹ đầu tư phát triển

Trích quỹ dự phòng tài chính

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi

Cộng

159.056.239.791
59.443.555.671
403.307.817
8.337.730.738
227.240.834.017

